

Bản án số: 06/2024/HS-PT.
Ngày: 16/01/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Thanh Tùng;

Ông Nguyễn Thành Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 131/2023/TLPT-HS ngày 02/11/2023 đối với bị cáo **Phan Văn N** do có kháng cáo của bị cáo **Phan Văn N** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: **Phan Văn N**; Sinh năm: 1976; Nơi sinh: **Thị xã N, tỉnh Sóc Trăng**; Nơi cư trú: **Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Phan Minh Đ** và bà **Nguyễn Thị X**; Có 01 tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HS-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, bị cáo **N** bị xử phạt 01 năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 12/8/2020, chưa thi hành xong bản án về án phí); Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 651/HSPT ngày 27/5/1996 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo **N** bị xử phạt tù chung thân về tội “Giết người” (được đặc xá vào ngày 30/8/2010, đã được xóa án tích); Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/4/2023 cho đến nay. (có mặt)

- Những người không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị hại **Thiều Thị N1**; Người làm chứng **Nguyễn Thị L, Phạm Thị Cẩm T, Lê Phú Q.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 15 giờ ngày 10/01/2022, sau khi nghỉ nhậu tại nhà ông Nguyễn Âu C ở khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo Phan Văn N dẫn xe đạp về nhà, trên đường về khi đi ngang nhà bà Thiều Thị N1 thì N thấy bà N1 cùng cháu đang ở tại sân trước nhà, lúc này bị cáo N nảy sinh ý định lấy trộm con gà mái đẻ của bà N1. Bị cáo N dẫn xe đạp đi qua khỏi nhà bà N1 khi đến đoạn đường vắng thì đậu xe cặp lộ cách nhà bà N1 khoảng 47 mét, bị cáo đi theo đường vườn đến cửa nhà sau bà N1 rồi dùng tay kéo cửa ra phía ngoài tạo khoảng trống để chui vào trong nhà. Lúc này, bà N1 nghe tiếng chó sủa nhiều ở phía nhà sau nên đi xuống kiểm tra thì phát hiện bị cáo N vừa chui vào trong nhà nên bà N1 truy hô việc N vào nhà trộm cắp tài sản. Lúc này, bà N1 đứng cách bị cáo N khoảng 03m. Bà N1 vừa bước tới rồi đứng lại và tiếp tục truy hô việc bị cáo N vào nhà trộm cắp tài sản, thì bị cáo N đứng dậy và tiến đến gần sát vị trí bà N1 đứng, bà N1 dùng tay đẩy về phía bị cáo N thì bị cáo dùng tay câu vật làm bà N1 té ngã ngửa xuống nền đất, rồi ngồi N đè lên phần bụng bà N1, hai chân bị cáo cặp hai bên thân người của bà N1 để cho bà N1 sợ mà không kháng cự và truy hô để bị cáo bắt con gà của bà N1, nhưng bà N1 vẫn kháng cự và truy hô, thì bị cáo N dùng tay phải bóp vào vùng cổ trước bà N1, bà N1 vẫn kháng cự và truy hô thì bị cáo N đe dọa cởi quần bà N1 và liền dùng tay trái nắm quần bên hông phải của bà N1 kéo xuống khoảng 10cm thì đụng vào đầu gối chân bị cáo N đang quỳ. Lúc này, Phạm Thị Cẩm N2 (là cháu bà N1) vào nhà liền truy hô, dùng tay kéo, đánh vào vùng lưng của bị cáo N, bị phát hiện bị cáo liền chui ra từ cửa sau và bỏ chạy ra phía đồng ruộng. Quá trình điều tra bị cáo N khai nhận, khi bị bà T1 Thị Năm phát hiện Nhâm vào bắt trộm gà, nhưng bị cáo vẫn muốn bắt được gà nên bị cáo đã dùng vũ lực đè bà N1 xuống, bóp cổ, cởi quần nhằm không cho bà N1 la để bắt gà về làm thịt ăn, nhưng chưa bắt được thì bị N2 phát hiện nên bỏ chạy.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 99/TgT-PY, ngày 07/3/2022 của Trung tâm Pháp y-Sở Y tế tỉnh S kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho bà Thiều Thị N1 hiện tại là 00%.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 04/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng kết luận: 01 con gà mái có trọng lượng 1,950 kg có giá trị là 146.250 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 168; Các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 15, Điều 50 và Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn N phạm tội “Cướp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo **Phan Văn N** 06 (S) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác.

* Đến ngày 10/10/2023, bị cáo **Phan Văn N** kháng cáo xin giảm hình phạt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **Phan Văn N** giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo **Phan Văn N** phạm tội “Cướp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội chưa đạt và bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn là không phù hợp quy định của pháp luật. Nhưng do không có kháng cáo, kháng nghị về nội dung này nên cần kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đồng thời, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét lại về nội dung xác định bị cáo phạm tội chưa đạt và phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo **Phan Văn N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo **Phan Văn N** lập ngày 10/10/2023 và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 11/10/2023 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Căn cứ vào 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo **Phan Văn N**, về việc xin giảm hình phạt theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo **Phan Văn N** như sau: Vào lúc khoảng 15 giờ ngày 10/01/2022, sau khi đi nhậu về ngang nhà bà **Thiều Thị N1**, bị cáo **N** thấy bà **N1** cùng cháu đang ở tại sân trước nhà, lúc này bị cáo **N** nảy sinh ý định lấy trộm con gà mái đẻ của bà **N1**. Bị cáo **N** dẫn xe đạp đi qua khỏi nhà bà **N1** khi đến đoạn đường vắng thì đậu xe cặp lộ cách nhà bà **N1** khoảng 47 mét, bị cáo đi theo đường vườn đến cửa nhà sau bà **N1** rồi dùng tay kéo cửa ra phía ngoài tạo khoảng trống để chui vào trong nhà. Lúc này, bà **N1** nghe tiếng chó sủa nhiều ở phía nhà sau nên đi xuống kiểm tra thì phát hiện bị cáo **N** vừa chui vào trong nhà nên bà **N1** truy hô việc **N** vào nhà trộm cắp tài sản. Lúc này, bà **N1** đứng cách bị cáo **N** khoảng 03m. Bà **N1** vừa bước tới rồi đứng lại và tiếp tục truy hô việc bị cáo **N** vào nhà trộm cắp tài sản, thì bị cáo **N** đứng dậy và tiến đến gần sát vị trí bà **N1** đứng, bà **N1** dùng tay đẩy về phía bị cáo **N** thì bị cáo dùng tay câu vật làm bà **N1** té ngã ngửa xuống nền đất, rồi ngồi **N** đè lên phần bụng bà **N1**, hai chân bị cáo cặp hai bên thân người của bà **N1** để cho bà **N1** sợ mà không kháng cự và truy hô để bị cáo bắt con gà của bà **N1**, nhưng bà **N1** vẫn kháng cự và truy hô, thì bị cáo **N** dùng tay phải bóp vào vùng cổ trước bà **N1**, bà **N1** vẫn kháng cự và truy hô thì bị cáo **N** đe dọa cởi quần bà **N1** và liền dùng tay trái nắm quần bên hông phải của bà **N1** kéo xuống khoảng 10cm thì dùng vào đầu gối chân bị cáo **N** đang quỳ. Lúc này, **Phạm Thị Cẩm N2** (là cháu bà **N1**) vào nhà liền truy hô, dùng tay kéo, đánh vào vùng lưng của bị cáo **N**, bị phát hiện bị cáo liền chui ra từ cửa sau và bỏ chạy. Quá trình điều tra bị cáo **N** khai nhận, khi bị bà **T1** Thị Năm phát hiện Nhâm vào bắt trộm gà, nhưng bị cáo vẫn muốn bắt được gà nên bị cáo đã dùng vũ lực đè bà **N1** xuống, bóp cổ, cởi quần nhằm không cho bà **N1** la để bắt gà về làm thịt ăn, nhưng chưa bắt được thì bị **N2** phát hiện nên bỏ chạy. Theo kết luận giám định, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho bà **Thiều Thị N1** hiện tại là 00%. Theo kết luận định giá tài sản, 01 con gà mái có trọng lượng 1,950 kg có giá trị là 146.250 đồng.

[4] Xét bị cáo **Phan Văn N** lén lút vào nhà bị hại **Thiều Thị N1** để trộm cắp gà nhưng khi bị bà **N1** phát hiện thì bị cáo **N** đã sử dụng vũ lực, vật bà **N1** té xuống nền đất, bóp cổ, cởi quần bà **N1** để không cho bà **N1** kháng cự và truy hô nhằm mục đích chiếm đoạt con gà của bà **N1**. Như vậy, bị cáo **N** đã thực hiện hành vi dùng vũ lực làm cho bị hại **Thiều Thị N1** sinh năm 1932 (là người già yếu) lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại là con gà, theo kết luận định giá có giá trị là 146.250 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo **Phan Văn N** phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Về kháng cáo của bị cáo **Phan Văn N**, về việc xin giảm hình phạt: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định lần phạm tội này của bị cáo **N** là thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và

Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo **N** đã thực hiện hành vi dùng vũ lực làm cho bị hại **Thiều Thị N1** sinh năm 1932 (là người già yếu) lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại, hành vi của bị cáo đã thỏa mãn tất cả các dấu hiệu pháp lý của tội “Cướp tài sản” nên không thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt và hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội không những xâm hại đến sức khỏe, tài sản của bị hại mà còn gây nguy hại rất nghiêm trọng đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên mặc dù bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản của bị hại nhưng không thuộc trường hợp phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định. Ngoài ra, mặc dù bị cáo không biết chữ nhưng đã 02 lần bị kết án về tội “Giết người” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế là không phù hợp. Tuy nhiên, do bị hại không có kháng cáo và Viện kiểm sát không có kháng nghị về nội dung này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu đề Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm và kiến nghị Tòa án cấp trên xem xét theo thẩm quyền. Về mức hình phạt 06 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương đối phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo và Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ bị cáo được áp dụng nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa áp dụng đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo **N**.

[6] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phan Văn N**, giữ nguyên phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo **N** của bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí hình sự: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo **N** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phan Văn N**, về việc xin giảm hình phạt.

Giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với bị cáo **Phan Văn N** của Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 168; Các điểm b, h và s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 15 và Điều 37 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Phan Văn N**.

Xử phạt bị cáo **Phan Văn N** 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc bị cáo **Phan Văn N** chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét theo thẩm quyền đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng về việc xác định bị cáo **Phan Văn N** phạm tội chưa đạt và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **N** là phạm tội chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn và bị cáo không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

5. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1-TANDTC (01);
- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND thị xã N (01);
- VKSND thị xã N (01);
- CQĐT-Công an thị xã N (01);
- CQTHAHS-Công an thị xã N (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS thị xã N (01);
- Bị cáo (01);
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04).

Lê Thanh Vũ